TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1142/2019/DS-ST
Ngày 29 - 11 - 2019
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh Kiều

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tiên

Bà Nguyễn Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ngân

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 516/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2019 về "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định xét xử số 740/2019/QĐXXST-DS ngày 25/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 792/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh Nh***, sinh năm: 1983 (có mặt);

Địa chỉ: *** ấp Chánh 1, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tiến Kh, sinh năm: 1983 (vắng mặt);
Bà Nguyễn Thị T (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: *** khu phố 3, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 16/5/2019 cùng bản tự khai trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Nh*** trình bày:*

Ngày 04/8/2017 bà Nh*** có cho vợ chồng ông Nguyễn Tiến Kh và bà Nguyễn Thị T vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay trong giấy vay tiền ghi là là 03 tháng, từ 04/8/2017 đến 04/11/2017, vay không có lãi, các bên đã lập giấy vay tiền đề ngày 04/8/2017. Tuy nhiên, sau khi hết hạn thì các bên không có gia hạn thêm thời hạn vay nên kể từ sau ngày 04/11/2017 khoản vay trên

chuyển thành khoản vay không có thời hạn. Mặc dù, khi ký giấy vay tiền ngày 04/8/2017 với nội dung không có lãi nhưng thực tế thì hàng tháng ông Kh và bà T trả cho bà Nh*** số tiền lãi là 4.000.000 đồng (bốn triệu), việc trả lãi kéo dài đến ngày 02/02/2018 thì ngưng trả lãi. Tổng số tiền lãi đã nhận là 24.000.000 đồng (6 tháng x 4.000.000 đồng).

Ngày 02/02/2018, bà Nh*** tiếp tục cho ông Kh và bà T vay số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu). Hai bên thỏa thuận bằng lời nói như sau: Hủy giấy vay tiền lập ngày 04/8/2017; Gộp cả hai khoản vay nên đến ngày 02/02/2018 số tiền nợ gốc tổng cộng là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu); Thời hạn vay 06 tháng; Mức lãi suất theo thỏa thuận; Trả nợ gốc và nợ lãi sẽ thực hiện một lần vào ngày 02/8/2018.

Đồng thời, để làm tin cho khoản vay 200.000.000 đồng thì ông Nguyễn Tiến Kh và bà Nguyễn Thị T không lập giấy nợ mà lập giấy bán xe ô tô đề ngày 02/02/2018 với bà Nh***. Mục đích của việc lập giấy bán xe là để đảm bảo trong trường hợp sau 06 tháng (tức đến ngày 02/8/2018) mà ông Nguyễn Tiến Kh và bà Nguyễn Thị T không trả được nợ gốc và nợ lãi cho bà Nh*** số tiền 200.000.000 đồng thì ông Kh và bà T phải giao xe cho bà. Vì vậy, hai bên không công chứng hợp đồng mua bán xe, bản chính giấy đăng ký xe ô tô và xe ô tô vẫn do vợ chồng ông Kh và bà T giữ và sử dụng. Nhưng đến hạn trả tiền mà ông Kh và bà T không trả tiền cũng không giao xe ô tô cho bà Nh***.

Chồng của bà Nh*** là ông Lê Quang T**. Số tiền trên là tiền riêng của bà Nh*** đồng thời ông T** cũng đã có lời khai xác nhận đây không phải là tài sản chung tạo lập trong thời kỳ hôn nhân.

Tại phiên tòa, bà Nh*** xác định yêu cầu khởi kiện như sau:

+ Ông Nguyễn Tiến Kh và bà Nguyễn Thị T liên đới trả lại số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng.

+ Không yêu cầu tính lại lãi suất đã trả đối với khoản nợ vay 50.000.000 đồng mà bà Nh*** đã nhận và đồng thời không yêu cầu tính lãi suất chưa trả đối với khoản nợ vay 200.000.000 đồng mà bà Nh*** chưa nhận.

Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Quan hệ tranh chấp là Hợp đồng vay tài sản mà bị đơn cư trú tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, căn cứ Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 16/5/2019 bà Nguyễn Thị Thanh Nh*** khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Tiến Kh và bà Nguyễn Thị T trả lại cho bà số tiền 200.000.000 đồng, căn cứ "Giấy vay tiền" ngày 04/8/2017 và "Giấy bán xe" ngày 02/02/2018 thì thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự vẫn còn theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Xét về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của bị đơn:

Ông Nguyễn Tiến Kh và bà Nguyễn Thị T được niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, niêm yết 02 (hai) lần Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Kh, bà T vẫn không đến tòa để trình bày ý kiến giải quyết vụ án. Đồng thời, việc ông Kh, bà T không đến tòa tức tự khước từ quyền được trình bày những lý lẽ, khước từ quyền được tiếp cận công khai chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không thực hiện nghĩa vụ giao nộp tài liệu chứng cứ (nếu có) để được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định pháp luật.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chỉ xem xét và giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo thủ tục chung và mặc nhiên công nhận lời khai và các tài liệu, chứng cứ mà bà Nh*** xuất trình.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Nh***:

[4.1] Về hình thức và nội dung của "Giấy vay tiền" lập ngày 04/8/2017, số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng từ 04/8/2017 đến 04/11/2017, vay có lãi. Đây là giao dịch vay phù hợp quy định pháp luật tại các Điều 117, Điều 119, Điều 463 Bộ luật dân sự 2015. Giao dịch này đã được chấm dứt kể từ ngày 02/02/2018.

[4.1.1] Tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn có lời khai tiền lãi đã nhận mỗi tháng 4.000.000 đồng trong 06 tháng trên nợ gốc 50.000.000 đồng – tính từ ngày 04/11/2017 đến ngày 02/02/2018. Như vậy, tổng số tiền lãi là 24.000.000 đồng tiền lãi tức mức lãi suất 80%/tháng.

Tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định về lãi suất vay do các bên thỏa thuận: "*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác ……*

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực".

Như vậy, số tiền lãi mà bà Nh*** đã nhận vượt quá quy định của pháp luật là 19.000.000 đồng, cách tính như sau: 24.000.000 đồng – (50.000.000 đồng x 20%/12 tháng x 06 tháng) .

[4.2] Qua lời khai của nguyên đơn cho thấy "Giấy bán xe" lập ngày 02/02/2018 là giao dịch dân sự giả tạo, che đậy giao dịch thật là giao dịch vay tiền với số nợ gốc là 200.000.000 đồng, vay có thời hạn 03 tháng, có lãi suất. Do đó, hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định tại Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015 thì giao dịch bán xe ô tô không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập giao dịch ngày 02/02/2018.

Ngoài ra căn cứ khoản 1, Điều 124 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về giao dịch dân sự vô hiệu do giả tạo: "*Khi các bên xác lập giao dịch dân sự một cách giả tạo nhằm che giấu một giao dịch dân sự khác thì giao dịch dân sự giả tạo vô hiệu, còn giao dịch dân sự bị che giấu vẫn có hiệu lực, trừ trường hợp giao dịch đó cũng vô hiệu theo quy định của Bộ luật này hoặc luật khác có liên quan*" nên có căn cứ để xác định ông Kh, bà T còn nợ của bà Nh*** số tiền 200.000.000 đồng và lãi suất chưa trả.

Áp dụng mức lãi suất 20%/năm như đã phân tích tại mục [4.1.1] đối với nợ gốc 200.000.000 đồng tính từ ngày 02/02/2018 cho đến ngày 29/11/2019 là ngày xét xử sơ thẩm (21 tháng 28 ngày) thì số tiền lãi mà ông Kh, bà T còn nợ bà Nh*** là 73.098.666 đồng, cách tính như sau: 200.000.000 đồng {20%/12 tháng x 12 tháng) + (20%/12 tháng x 09 tháng) + (1,66%/30 ngày x 28 ngày)} .

Do đó, cấn trừ hai khoản tiền lãi tại mục [4.1.1] và mục [4.2] thì ông Kh, bà T còn nợ bà Nh*** số tiền lãi là 52.098.666 đồng (73.098.666 đồng – 19.000.000 đồng).

[4.2.1] Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nh*** về việc không yêu cầu tính lại lãi suất chưa trả của khoản nợ 200.000.000 đồng mà ông Kh, bà T còn nợ là 52.098.666 đồng.

[4.2.2] Đã đến thời hạn trả tiền vay vào ngày 02/8/2018 mà ông Kh, bà T vẫn chưa trả tiền cho bà Nh*** tức vi phạm Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 về thực hiện nghĩa vụ trả tiền: *"1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận.*
2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

[4.2.3] Mặt khác, giao dịch vay tiền được xác lập giữa bên vay là ông Kh, bà T với bên cho vay là bà Nh*** nên nghĩa vụ trả tiền là nghĩa vụ liên đới được quy định tại Khoản 1, Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: " *Nghĩa vụ liên đới là nghĩa vụ do nhiều người cùng phải thực hiện và bên có quyền có thể yêu*

cầu bất cứ ai trong số những người có nghĩa vụ phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ".

Do vậy, như đã phân tích tại mục [4.2] và căn cứ khoản 1, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*" nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Kh, bà T phải liên đới trả cho bà Nh*** số tiền 200.000.000 đồng.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12: Lập luận chặt chẽ, đầy đủ về quá trình xác lập giao dịch vay, nội dung, hình thức các giao dịch vay, tư cách chủ thể tham gia giao dịch. Đồng thời, còn đánh giá toàn diện nội dung vụ án và vận dụng các căn cứ pháp luật phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này.

[6] Xét về án phí:

Bị đơn ông Nguyễn Tiến Kh và bà Nguyễn Thị T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) do phải thực hiện nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền: 200.000.000 đồng (cách tính: 200.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 117, Điều 119, Điều 124, Điều 131, Điều 280, Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 ;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố giao dịch mua bán xe ô tô lập ngày 02/02/2018 là vô hiệu.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Buộc ông Nguyễn Tiến Kh và bà Nguyễn Thị T trả cho bà Nguyễn Thị Thanh Nh*** số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) sau khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Nguyễn Tiến Kh và bà Nguyễn Thị T chưa thi hành xong thì còn phải trả lãi suất theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Việc thi hành được thực hiện tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Tiến Kh và bà Nguyễn Thị T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh Nh*** số tiền tạm ứng án phí là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0000158 ngày 29/5/2019 của Chi Cục Thi hành án Dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày (mười lăm), tính từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết theo thủ tục luật định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thanh Kiều